

Số: /2024/QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ phần trăm (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm và mức tỷ lệ phần trăm (%) thu đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Thực hiện Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc cho ý kiến về mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ phần trăm (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm và mức tỷ lệ phần trăm (%) thu đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 638/TTr-STC ngày 15 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này ban hành mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ phần trăm (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm và mức tỷ lệ phần trăm (%) thu đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng phải nộp tiền cho thuê đất hằng năm không thông qua hình thức đấu giá, thuê đất để xây dựng công

trình ngầm, thuê đất đối với phần diện tích đất có mặt nước theo quy định pháp luật về đất đai.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc tính, thu, nộp, quản lý tiền thuê đất.

Điều 3. Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm không thông qua hình thức đấu giá

1. Khu vực, tuyến đường thuộc địa giới hành chính các phường của thành phố Bạc Liêu là 2,0% tính đơn giá thuê đất một năm tương ứng với từng mục đích sử dụng đất thuê.

2. Khu vực, tuyến đường thuộc địa giới hành chính các phường của thị xã Giá Rai là 1,8% tính đơn giá thuê đất một năm tương ứng với từng mục đích sử dụng đất thuê.

3. Khu vực, tuyến đường thuộc địa giới hành chính các thị trấn của các huyện là 1,6% tính đơn giá thuê đất một năm tương ứng với từng mục đích sử dụng đất thuê.

4. Khu vực, tuyến đường thuộc địa giới hành chính các xã của thành phố Bạc Liêu là 1,4% tính đơn giá thuê đất một năm tương ứng với từng mục đích sử dụng đất thuê.

5. Khu vực, tuyến đường thuộc địa giới hành chính các xã của thị xã Giá Rai; các đầu mối giao thông tiếp giáp các tuyến Quốc lộ trên địa bàn tỉnh (*ngoài các khu vực, tuyến đường nêu tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này*) là 1,2% tính đơn giá thuê đất một năm tương ứng với từng mục đích sử dụng đất thuê.

6. Các khu vực, tuyến đường khác còn lại trên địa bàn tỉnh (*ngoài các khu vực, tuyến đường nêu tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này*) là 1,0% tính đơn giá thuê đất một năm tương ứng với từng mục đích sử dụng đất thuê.

Điều 4. Đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm

1. Đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (*không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất*) theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024, tiền thuê đất được xác định như sau:

a) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm: Tính bằng 20% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm có cùng mục đích sử dụng đất.

b) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê: Tính bằng 20% đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

2. Đối với đất xây dựng công trình ngầm gắn với phần ngầm công trình xây dựng trên mặt đất mà có phần diện tích xây dựng công trình ngầm vượt ra ngoài phần diện tích đất trên bề mặt được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho

thuê đất cho người sử dụng đất đó thì đơn giá thuê đất của phần diện tích vượt này được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 5. Đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước

Đối với phần diện tích đất có mặt nước, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được tính bằng 50% của đơn giá thuê đất hằng năm hoặc đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề với giá định có cùng mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất với phần diện tích đất có mặt nước.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai Quyết định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phản ánh kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để được hướng dẫn giải quyết. Trường hợp vượt thẩm quyền thì Sở Tài chính sẽ tổng hợp và phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng có liên quan thống nhất tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Bạc Liêu; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2024 và thay thế Quyết định số 16/2014/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Bộ TN&MT (báo cáo);
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP ĐĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Các Sở, Ban, Ngành cấp tỉnh;
- Trung tâm CB-TH (đăng Công thông tin điện tử của UBND tỉnh);
- Lưu: VT, Đạ (QĐ 38).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Thiều